

Bản án số: 122/2022/DS-ST

Ngày: 9/9/2022

V/v: Tranh chấp chia thừa kế.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Quang Long.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hà

Ông Lê Công Đoàn

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lê Thị Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện G, Thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 9 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2021/DSST, ngày 21/10/2021, về việc: “Yêu cầu chia thừa kế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐXXST-DS ngày 9/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2022/QĐHPT ngày 26/8/2022, của Tòa án nhân dân huyện G, giữa:

**Nguyên đơn:** 1. Ông Nguyễn Huy P, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Thôn Th, xã D, G, Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa; 2. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Thôn Tr, xã D, G, Hà Nội Có mặt tại phiên tòa; 3. Bà Nguyễn Thị T, sinh 1963. Nơi cư trú: Thôn Tr, xã D, G, Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa; 4. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Thôn Tr, xã D, G, Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

**Bị đơn:** 1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; 2. Ông Nguyễn Huy T2, sinh năm 1973. Cùng cư trú tại: Thôn Tr, xã D, G, Hà Nội. Đại diện ủy quyền của ông T2

là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977. (Giấy ủy quyền ngày 17/8/2022). Bà H có mặt tại phiên tòa.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Số M, ngách H, phường Kh, Th 1, Hà Nội. Xin vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ngân hàng TMCP X (E bank) – Chi nhánh Hà Nội. Địa chỉ: Số M1 đường Tr1, phường P, quận H, Hà Nội. Xin vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện ngày 6/7/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa, các đồng nguyên đơn trình bày:***

Cụ Nguyễn Huy P1 sinh năm 1918, chết năm 1996; cụ Đỗ Thị C1, sinh năm 1928, chết năm 2008. Trước khi chết hai cụ P1, C1 không để lại di chúc. Giữa cụ P1, C1 có các con chung là: 1. Ông Nguyễn Huy P, sinh năm 1957. 2. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1960. 3. Bà Nguyễn Thị T, sinh 1963. 4. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1965. 5. Ông Nguyễn Huy T2, sinh năm 1973. Ngoài ra trước khi lấy cụ P1 thì cụ C1 có 01 con riêng là Nguyễn Xuân L đã hi sinh liệt sĩ, không có gia đình.

Khi còn sống thì cụ P1, C1 có tạo dựng và để lại tài sản nhà cấp 4 lợp ngói 4 gian xây năm 1992, trên thửa đất số H1, tờ bản đồ số M2, diện tích 290m<sup>2</sup> thôn Tr, xã D, G, Hà Nội. Phần diện tích đất này giao cho ông Nguyễn Huy T2 và gia đình sống chung cùng cụ C1 quản lý sử dụng. Năm 2005, cụ C1 và các thừa kế của cụ P1 có đồng ý giao cho ông T2 sử dụng và ông T2 cùng vợ Nguyễn Thị H đứng kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 015510 ngày 30/12/2005.

Sau năm 2008, cụ Đỗ Thị C1 chết. Năm 2013, ông Nguyễn Huy T2 và vợ Nguyễn Thị H phá dỡ nhà cấp 4 của các cụ để lại và thực hiện chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất như sau: Chuyển nhượng cho ông Đặng Thế C2 trú tại xã T3, huyện T4, tỉnh Phú Thọ diện tích 41,5m<sup>2</sup> đất; Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn B trú tại xã P2, huyện C3, tỉnh Phú Thọ diện tích 41,5 m<sup>2</sup> đất; Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Huy T25 xã Q, Q1, tỉnh Nghệ An diện tích **90,8m<sup>2</sup>** đất. Phần đất di sản của các cụ còn lại hiện vợ chồng T, H đang quản lý sử dụng là hơn 120m<sup>2</sup> đất, theo đo vẽ ngày 20.4.2022 còn lại là **121,2m<sup>2</sup>** đất, được chia làm hai miếng, trên đất

này vợ chồng T, H có xây nhà cấp 4.

Nay chúng các đồng nguyên đơn xác nhận chỉ yêu cầu chia phần di sản là quyền sử dụng đất còn lại theo đo vẽ là 121,2m<sup>2</sup> đất, hiện ông T2 bà H đang quản lý sử dụng. Đối với phần quyền sử dụng đất ông T2, bà H đã chuyển nhượng cho các chủ sử dụng nêu trên vào năm 2013 thì không yêu cầu giải quyết.

Đối với giá trị nhà cấp 4 có 4 gian lợp ngói trên đất được cụ Nguyễn Huy P1 và cụ Nguyễn Thị C1 xây dựng vào năm 1992, ông T2, bà H đã phá dỡ thì không yêu cầu Tòa án xác định giá trị và chia thừa kế.

Đối diện tích đất nông nghiệp do cụ Nguyễn Huy P1, Đỗ Thị C1 để lại hiện cũng do ông Nguyễn Huy T2 và bà Nguyễn Thị H đang quản lý, sử dụng thì không yêu cầu chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất nông nghiệp.

Toàn bộ quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Huy P1 và cụ Nguyễn Thị C1 để lại đã được Ủy ban nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 015510 cho ông Nguyễn Huy T2 và bà Nguyễn Thị H ngày 30/12/2005. Chúng tôi không đề nghị yêu cầu Tòa án xem xét hủy “ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 015510 của Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Huy T2 và bà Nguyễn Thị H ngày 30/12/2005.

***Bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Huy T2 trình bày:***

Thông nhất với các đồng nguyên đơn đã trình bày về quan hệ huyết thống và nguồn gốc di sản của hai cụ Nguyễn Huy P1, Đỗ Thị C1 để lại. Nhưng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của các nguyên đơn đã nêu.

Theo ông T2, bà H thì năm 2005, khi cụ Đỗ Thị C1 còn sống đã thống nhất cùng các con của cụ P1, C1 đồng ý cho vợ chồng tôi làm sổ đỏ toàn bộ thửa đất số H1, tờ bản đồ số M2, diện tích 290m<sup>2</sup> thôn Tr, xã D, G, Hà Nội và đã được Ủy ban nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 015510 cho ông Nguyễn Huy T2 và bà Nguyễn Thị H ngày 30/12/2005. Vợ chồng tôi đã nuôi mẹ và thờ cùng anh trai là liệt sỹ. Khi cụ Nguyễn Huy P1 chết thì cụ C1 đứng lên lo tang lễ. Còn cụ C1 chết thì do vợ chồng tôi đứng lên lo tang lễ. Năm 2013, vợ chồng tôi phá dỡ nhà cấp 4 của các cụ để lại thì các nguyên đơn đều biết, nhất trí và đồng ý cho chúng tôi bán một phần đất.

Vì vậy, chúng tôi xác định di sản của cụ P1, C1 để lại nhà đất đã cho chúng

tôi năm 2005, không còn là di sản nên không chấp nhận chia thừa kế.

Ngoài ra cụ P1, cụ C1 còn có 10 thước đất nông nghiệp, hiện chúng tôi đang quản lý, sử dụng, các đồng nguyên đơn không yêu cầu xem xét giải quyết thì chúng tôi cũng không có ý kiến gì.

Đối với **biên bản họp gia đình ngày 7/11/2013** mà ông Nguyễn Huy P và đồng nguyên đơn khác gửi Tòa án là không đúng vì thời điểm họp gia đình là vào mùa hè khoảng tháng 5 hoặc tháng 7 năm 2014 chứ không phải năm 2013. Khi họp không có bà H. Nội dung biên bản họp gia đình là ông T2 đồng ý khi nào vợ chồng bán khoảng  $\frac{1}{2}$  số đất còn lại chừng trên 60m<sup>2</sup> đất thì chúng tôi sẽ chia lộc cho các đồng nguyên đơn mỗi người một ít. Hoàn toàn không có việc chúng tôi đồng ý tách đất cho các nguyên đơn.

Hiện toàn bộ quyền sử dụng đất còn lại nêu trên vợ chồng tôi đang thế chấp Ngân hàng TMCP X (E bank) để vay tiền là 700.000.000đồng, theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản 347.2019/HĐTD quyền số 07/CC-SCC/HĐGD ngày 24/01/2019.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày:** Nguồn gốc đất có tranh chấp là của bố mẹ tôi là cụ Nguyễn Huy P1 và cụ Nguyễn Thị C1 để lại. Khi mẹ tôi còn sống và các anh chị em đã thống nhất cho ông Nguyễn Huy T2 và bà Nguyễn Thị H, đứng tên chủ sử dụng và ông Nguyễn Huy T2, bà H đã làm thủ tục kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện G, Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 015510 cho ông T2 và bà H ngày 30/12/2005. Tôi hoàn toàn nhất trí. Nay không có tranh chấp và không yêu cầu chia thừa kế di sản.

Ngân hàng TMCP X (E bank) có ý kiến theo văn bản trình bày ngày 8/9/2022, nêu rõ diện tích đất của ông Nguyễn Huy T2, bà Nguyễn Thị H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần còn lại là 115,6m<sup>2</sup> hiện đang được bảo đảm cho khoản vay của ông bà T, H tại Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 1715-LAV ngày 24/01/2019, số tiền vay 400.000.000đồng, thời hạn vay đến ngày 30/01/2034 và Hợp đồng tín dụng số LAV 210001784/1715 ngày 11/01/2021, số tiền vay 300.000.000đồng, thời hạn vay đến ngày 11/01/2036. Tài sản thế chấp quyền sử dụng đất đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Hiện ông T2, bà H còn nợ Ngân hàng theo hai hợp đồng nói trên số tiền 576.720.000đồng. Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **Đại diện VKS phát biểu ý kiến tại phiên tòa:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48, Điều 49, Điều 51 BLTTDS năm 2015. Phiên tòa diễn ra đúng thời gian, địa điểm được thông báo. Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại BLTTDS năm 2015.

Về nội dung vụ án: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông P, bà K, T, bà T1.

Đối với án phí dân sự: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án để xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

\* Quan hệ pháp luật giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn Huy P1 sinh năm 1918, chết năm 1996 và cụ Đỗ Thị C1 sinh năm 1928, chết năm 2008, để lại. Do vậy quan hệ pháp luật xem xét giải quyết là: “ Tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật”.

\* Người bị kiện ông Nguyễn Huy T2 và bà Nguyễn Thị H là người đang quản lý, sử dụng tài sản tranh chấp. Tài sản tranh chấp tại thôn Tr, xã D, G, Hà Nội. Do vậy căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, Thành phố Hà Nội.

Theo trình bày và tài liệu do bị đơn cung cấp thì tài sản tranh chấp là một phần quyền sử dụng đất tại thửa số H1, tờ bản đồ số M2, diện tích 290 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng lâu dài, địa chỉ thửa đất: thôn Tr, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội đã được ông T2, bà H thế chấp để bảo đảm khoản vay tín dụng tại Ngân hàng TMCP X (E bank) – chi nhánh Hà Nội, để vay tiền là 700.000.000đồng, theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản 347.2019/HĐTD quyền số 07/CC-SCC/HĐGD ngày

24/01/2019. Do vậy cần đưa Ngân hàng TMCP X (E bank) – chi nhánh Hà Nội, tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Đối với những người thuê nhà do không có hợp đồng thuê đã có lời khai thống nhất với ông T2, bà H là không có tranh chấp, nhất trí trả nhà nếu có việc phân chia nhà đất và xin từ chối tham gia tố tụng nên không đưa họ vào tham gia tố tụng là có căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 68 BLTTDS 2015.

Đối với các diện tích đất ông T2, bà H đã chuyển nhượng một phần tài sản là quyền sử dụng đất của mình cho ông Đặng Thế C2 trú tại xã T3, huyện T4, tỉnh Phú Thọ diện tích **41,8m<sup>2</sup>** đất; Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn B trú tại xã P2, huyện C3, tỉnh Phú Thọ diện tích **41,8 m<sup>2</sup>** đất; Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Huy T25 xã Q, Q1, tỉnh Nghệ An diện tích **90,8m<sup>2</sup>** đất. Phần đất còn lại diện tích khoảng hơn 120m<sup>2</sup> đất, theo đo vẽ ngày 20.4.2022 còn lại là **121,2m<sup>2</sup> đất**. Do các đương sự không tranh chấp và không đề nghị xem xét phân di sản đã chuyển nhượng vào xem xét giải quyết vì vậy không cần đưa các chủ sử dụng đất tham gia Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

Hiện đất đang tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận số AD 015510 ngày 30/12/2005 tại thửa đất số H1, tờ bản đồ số M2 ( bản đồ đo vẽ 1993-1994) thôn Tr, xã D, G, HN. Các diện tích đất chuyển nhượng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng do đương sự không có yêu cầu xem xét đối với các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nên không phải đưa Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân huyện G, vào tham gia tố tụng là phù hợp.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xử vắng mặt, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là phù hợp.

## **[2] Về nội dung và giải quyết yêu cầu của đương sự:**

*[2.1] Về nguồn gốc thửa đất:* Thửa đất đang tranh thuộc thửa đất số H1, tờ bản đồ số M2 (bản đồ đo vẽ 1993-1994) thôn Tr, xã D, G, HN, do cụ Nguyễn Huy P1, cụ Đỗ Thị C1 để lại, tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận, phù hợp với tài liệu chứng cứ do Ủy ban nhân dân huyện G và Ủy ban nhân dân xã D cung cấp về nguồn gốc quyền sử dụng đất. Do vậy, có căn cứ xác định thửa đất số H1, tờ bản đồ số M2

( bản đồ đo vẽ 1993-1994) thôn Tr, xã D, G, HN, diện tích 290m<sup>2</sup> có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Huy P1, cụ Đỗ Thị C1 để lại.

Cụ Nguyễn Huy P1 chết năm 1996. Ngày 02/8/2004, cụ Nguyễn Thị C1 cùng các con bao gồm ông Nguyễn Huy P, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị T, bà T1, ông T2 đã thống nhất giao quyền sử dụng cho ông Nguyễn Huy T2 (biên bản có xác nhận của Trưởng thôn). Trên cơ sở đó, ông T2, bà H kê khai với cơ quan nhà nước đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Nguyễn Thị C trình bày tại thời điểm đó sinh sống làm việc bên Cộng hòa liên bang Nga có biết việc đó, nay đều hoàn toàn nhất trí, không có tranh chấp.

Ngày 30/12/2005, UBND huyện G đã ban hành quyết định số 1382/2005/QĐ-UBND cấp GCNQSD đất cho “Chủ sử dụng: Ông Nguyễn Huy T2, bà Nguyễn Thị H” thửa số H1 tờ M2 diện tích 290m<sup>2</sup>; mục đích: đất ở nông thôn.

*[2.2] Giải quyết yêu cầu chia thừa kế của các đương sự:*

Cụ Nguyễn Huy P1 mất 1996, cụ Đỗ Thị C1 chết năm 2008 không để lại di chúc.

Đối với giá trị nhà cấp 4 lợp ngói có 4 gian do cụ Nguyễn Huy P1, cụ Đỗ Thị C1 xây dựng năm 1992, ông T2, bà H phá dỡ năm 2013. Các nguyên đơn không đề nghị xem xét tính giá trị để giải quyết nên xem xét giải quyết di sản là chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Về định đoạt quyền sử dụng thửa đất H1, tờ bản đồ số M2 (bản đồ đo vẽ 1993-1994) thôn Tr, xã D, G, HN, diện tích 290m<sup>2</sup>, có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Huy P1, cụ Đỗ Thị C1 để lại thấy:

Khi cụ Đỗ Thị C1 còn sống, ngày 02/8/2004, cụ Nguyễn Thị C1 (là mẹ ông T2) cùng các con đã họp thống nhất giao quyền sử dụng cho ông Nguyễn Huy T2 (biên bản họp có xác nhận của Trưởng thôn) và xã D, huyện G, Hà Nội.

Trên cơ sở đó ông Nguyễn Huy T2, bà Nguyễn Thị H, đã thực hiện việc kê khai, đề nghị cơ quan nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 30/12/2005, UBND huyện G đã ban hành quyết định số 1382/2005/QĐ-UBND cấp GCNQSD đất cho “Chủ sử dụng: Ông Nguyễn Huy T2, bà Nguyễn Thị H” thửa số H1 tờ M2 diện tích 290m<sup>2</sup>; mục đích: đất ở nông thôn.

Sau khi nhận quyền sử dụng đất. Năm 2013, ông Nguyễn Huy T2, bà Nguyễn Thị H đã thực hiện phá nhà cấp 4 do các cụ xây dựng vào khoảng năm 1992 và chuyển nhượng một phần diện tích đất cho các chủ sử dụng là: cho ông Đặng Thế C2 trú tại xã T3, huyện T4, tỉnh Phú Thọ diện tích **41,8m<sup>2</sup>** đất; Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn B trú tại xã P2, huyện C3, tỉnh Phú Thọ diện tích **41,8 m<sup>2</sup>** đất; Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Huy T25 xã Q, Q1, tỉnh Nghệ An diện tích **90,8m<sup>2</sup>** đất. Sau đó các chủ sử dụng nhận chuyển nhượng còn tiếp tục chuyển nhượng sang tên các chủ sử dụng khác. Phần diện tích còn lại Nguyễn Huy T2, bà Nguyễn Thị H xây dựng nhà cấp 4 đã được xem xét và thẩm định theo biên bản ngày 31/03/2022 và Biên bản định giá ngày 12/04/2022, có diện tích đất **121,2m<sup>2</sup>**.

Thời điểm phá dỡ nhà của cụ P1, cụ C1 để lại và chuyển nhượng quyền sử dụng đất có tranh chấp nêu trên thì các đồng nguyên đơn đều biết thể hiện tại các bản tự khai của ông P, bà T, bà K, bà T1 ngày 22/11/2021 và các Biên bản hòa giải...nhưng các đồng nguyên đơn đều không có phản đối.

Như vậy, theo các thời điểm khai nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa đất số H1, tờ bản đồ số M2 (bản đồ đo vẽ 1993-1994) thôn Tr, xã D, G, HN, diện tích 290m<sup>2</sup>, cụ C1 và các thừa kế của cụ P1 đều nhất trí và không có tranh chấp, xác định để lại cho ông Nguyễn Huy T2, bà Nguyễn Thị H thực hiện kê khai nhận di sản và quyền sử dụng đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện G công nhận cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho “Chủ sử dụng: Ông Nguyễn Huy T2, bà Nguyễn Thị H” thửa số H1 tờ M2 diện tích 290m<sup>2</sup>; mục đích: đất ở nông thôn.

Từ đó, xác định tài sản của cụ P1 và cụ C1 để lại đã phân chia, định đoạt hết vào thời điểm năm 2004.

Bà Nguyễn Thị C thời điểm đó sinh sống làm việc tại Cộng hòa liên bang Nga có biết việc đó, hoàn toàn nhất trí, không có tranh chấp.

[2.3] Nay các đồng nguyên đơn gồm ông Nguyễn Huy P, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1 đề nghị đề nghị Tòa án giải quyết phân chia thừa kế di sản cụ Nguyễn Huy P1, cụ Đỗ Thị C1 để lại thì như đã phân tích nêu trên, di sản của cụ P1 và cụ C1 đã được phân chia, đã sang tên vào sổ đăng ký ruộng đất cho ông T2 và bà H, không còn là di sản nên Tòa án không có căn cứ chấp nhận. Điều này phù hợp với nội dung án lệ số 24/2018 về di sản thừa kế chuyển thành tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của cá nhân khác.



[2.4] Đối với các diện tích đất năm 2013, ông Nguyễn Huy T2, bà Nguyễn Thị H đã thực hiện phá nhà cấp 4 do các cụ xây dựng vào khoảng năm 1993 và chuyển nhượng một phần diện tích đất cho các chủ sử dụng là: cho ông Đặng Thế C2 trú tại xã T3, huyện T4, tỉnh Phú Thọ diện tích **41,8m<sup>2</sup>** đất; Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn B trú tại xã P2, huyện C3, tỉnh Phú Thọ diện tích **41,8 m<sup>2</sup>** đất; Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Huy T25 xã Q, Q1, tỉnh Nghệ An diện tích **90,8m<sup>2</sup>** đất. Sau đó các chủ sử dụng nhận chuyển nhượng còn tiếp tục chuyển nhượng sang tên các chủ sử dụng khác. Nay các đương sự không có tranh chấp về các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên và không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Đối với diện tích đất còn lại thực tế có tranh chấp là **121,2m<sup>2</sup>**, theo bị đơn ông Nguyễn Huy T2, bà Nguyễn Thị H trình bày đã thế chấp để bảo đảm khoản vay tín dụng tại Ngân hàng TMCP X (E bank) – Chi nhánh Hà Nội, số tiền là 700.000.000đồng, theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản 347.2019/HĐTD quyền số 07/CC-SCC/HĐGD ngày 24/01/2019. Nhưng nay giữa Ngân hàng TMCP X (E bank) – Chi nhánh Hà Nội và ông T2, bà H không có tranh chấp. Nếu sau các bên có tranh chấp thì có thể khởi kiện giải quyết bằng một vụ án dân sự khác tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

[2.6]. Đối với các di sản khác của P1, C1 để lại hiện nay ông T2, bà H và gia đình quản lý sử dụng là diện tích đất nông nghiệp theo ông T2, bà H trình bày là 10 thước đất nông nghiệp Bắc bộ, hiện do ông T2, bà H đang quản lý sử dụng nhưng do quá trình giải quyết và tại phiên tòa các đương sự, nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu xem xét nên không đặt vấn đề giải quyết.

[2.7]. Đối với yêu cầu nội dung theo Biên bản họp ngày 7/11/2013, theo đó bên nguyên đơn xác định ông Nguyễn Huy T2 phải để lại cho ông Nguyễn Huy P, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1 diện tích đất khoảng 70m<sup>2</sup> từ tổng diện tích đất 290m<sup>2</sup> từ cụ Nguyễn Huy P1, cụ Đỗ Thị C1 để lại thì như phân tích ở trên thì năm 2005, quyền sử dụng đất là di sản thừa kế đã chuyển cho ông Nguyễn Huy T2 bà Nguyễn Thị H. Tại biên bản họp ngày 7/11/2013, bà H không có mặt và không biết nội dung. Nay các bên không thực hiện. Phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Huy P1, cụ Đỗ Thị C1, không yêu cầu xem xét nội dung tặng cho quyền sử dụng 70m<sup>2</sup> đất đã nêu, nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Vụ án thụ lý 10/12/2019, nên áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa ngày 30/12/2016, để giải quyết. Do ông Nguyễn Huy P, bà Nguyễn Thị K đã trên 60 tuổi và có đơn yêu cầu xin miễn giảm tiền án phí nên xem xét miễn án phí cho ông P, bà K. Cũng do yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1 bị bác yêu cầu nên Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà T, T1.

Vì lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; các Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 158, Điều 161, Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 221, Điều 213; Điều 218; Điều 220 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 100, Điều 166, Điều 167, Điều 169 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ án lệ số 24/2018 về di sản thừa kế chuyển thành tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của cá nhân khác.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa ngày 30/12/2016.

**Xử:**

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy P, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1 về: Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với một phần di sản của cụ Nguyễn Huy P1, cụ Đỗ Thị C1 để lại là một phần quyền sử dụng đất thuộc thửa số H1 tờ bản đồ số M2, tại thôn Tr, xã D, G, Hà Nội, đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 015510 ngày 30/12/2005 mang tên ông Nguyễn Huy T2, bà Nguyễn Thị H.

Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

2/. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Huy P, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1 về: Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Hoàn trả cho ông Nguyễn Huy P, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1 tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp mỗi người 3.800.000đồng theo BL 72828 ngày 19/10/2021; BL 72831 ngày 19/10/2021; BL 72829 ngày 19/10/2021; BL 72832 ngày 19/10/2021.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Án xử công khai sơ thẩm.**

Báo cho nguyên đơn, bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND h. G;
- Chi cục THADS h. G;
- TANDTP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Vũ Quang Long***